

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HN&GD-ST
Ngày 06-6-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm My

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Đình Thủy và bà Hồ Thị Thu Uyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lâm Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Song.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 26/2025/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 2 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Tr, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Đắc Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh C, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Đắc Nông – Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Ngày 09/10/2009, chị Bùi Thị Tr và anh Nguyễn Thanh C đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Đắc Lắc. Tuy nhiên, khoảng 01 năm gần đây hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, anh C đi làm không đưa tiền về lo cho gia đình, không chăm sóc con chung nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, chị Tr đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C. Về nuôi con chung: Chị Tr và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh Thủy T, sinh ngày 07/5/2010 và cháu Nguyễn Thanh Gia B, sinh ngày 22/10/2012. Hiện nay hai cháu đang ở với chị Tr, chị Tr có đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho hai cháu (hàng tháng chị có thu thập 10.000.000 đồng) và mong muốn hai cháu ở chung để gắn kết tình cảm chị em ruột nên chị Tr đề nghị Tòa án giải quyết giao 02 con chung cho chị Tr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con

chung đủ tuổi trưởng thành. Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đúng quy định pháp luật toàn bộ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến của mình gửi Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 06/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song thể hiện anh Nguyễn Thanh C có sinh sống tại địa phương nhưng chính quyền địa phương không biết anh C và chị Tr có mâu thuẫn hay không vì không nhận được đơn yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng; các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định. Về nội dung: Sau khi đánh giá, phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Tr, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Bùi Thị Tr ly hôn bị đơn anh Nguyễn Thanh C. Về con chung: Giao 02 con chung cho chị Tr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Các vấn đề khác giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung; bị đơn không hợp tác làm việc nên cần xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn trú tại thôn B, xã T, huyện S; do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử mở phiên tòa giải quyết vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 09/10/2009, chị Bùi Thị Tr và anh Nguyễn Thanh C đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Đắk

Lắc. Tuy nhiên, trong quá trình sống chung do phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2]. Về con chung: Chị Bùi Thị Tr và anh Nguyễn Thanh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh Thủy T, sinh ngày 07/5/2010 và cháu Nguyễn Thanh Gia B, sinh ngày 22/10/2012. Hiện nay, con chung đang ở với chị Tr, chị Tr có thu nhập ổn định và có thể chăm sóc tốt cho các con; các cháu học tập tốt và đều có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các con chung được phát triển ổn định, đầy đủ và theo nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh Thủy T, sinh ngày 07/5/2010 và cháu Nguyễn Thanh Gia B, sinh ngày 22/10/2012 cho chị Tr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Bùi Thị Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Tr, cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Bùi Thị Tr ly hôn bị đơn anh Nguyễn Thanh C.

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh Thủy T, sinh ngày 07/5/2010 và cháu Nguyễn Thanh Gia B, sinh ngày 22/10/2012 cho chị Bùi Thị Tr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết (do các đương sự không có yêu cầu).

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Bùi Thị Tr phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0004524 ngày 20/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt đúng quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- UBND xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Trương Thị Diễm My